

Bản án số: 916/2024/DS-PT

Ngày 24 tháng 10 năm 2024

“V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản (Quyền sử dụng đất), yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3015/2024/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liêu Văn T, sinh năm 1964; có mặt.

Địa chỉ: Số D, tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Liêu Văn T1 (S), sinh năm 1969; vắng mặt.

2.2. Bà Dương Thị D, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số D, tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2.3. Bà Lê Thị Đ, chết ngày 08/12/2021;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đ gồm:

2.3.1. Ông Liêu Văn T1 (S), sinh năm 1969; vắng mặt.

- 2.3.2. Ông Liêu Văn T2, sinh năm 1967; vắng mặt.
- 2.3.3. Bà Liêu Thị Xuân T3, sinh năm 1953; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Số H, tổ E, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
- 2.3.4. Bà Liêu Thị H, sinh năm 1956; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang
- 2.3.5. Bà Liêu Thị T4, sinh năm 1958; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, bà H, bà T4: Bà Liêu Thị H1.
- 2.3.6. Bà Liêu Thị C, sinh năm 1965; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
- 2.3.7. Bà Liêu Thị H1, sinh năm 1977; có mặt.
Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
- 2.3.8. Bà Liêu Thị D1, sinh năm 1972; vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.
- 2.3.9. Ông Liêu Văn T, sinh năm 1964; có mặt.
Địa chỉ: Số D, tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Liêu Văn T2, sinh năm 1967; vắng mặt.
- 3.2. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1965; vắng mặt.
- 3.3. Chị Liêu Thị Bé T6, sinh năm 1992; vắng mặt.
- 3.4. Chị Liêu Thị Cẩm T7, sinh năm 1993; vắng mặt.
- 3.5. Chị Liêu Thị Minh T8, sinh năm 2004; vắng mặt.
- 3.6. Cháu Liêu Trần Hữu T9, sinh ngày 07/01/2006; vắng mặt.
Người đại diện theo pháp luật của cháu L Trần Hữu T9: Ông Liêu Văn T2.
- 3.7. Anh Liêu Minh K, sinh năm 1993; vắng mặt.
- 3.8. Anh Liêu Minh H2, sinh năm 1997; vắng mặt.
- 3.9. Bà Liêu Thị Xuân T3, sinh năm 1953; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
- 3.10. Bà Liêu Thị H, sinh năm 1956; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
- 3.11. Bà Liêu Thị T4, sinh năm 1958; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, bà H, bà T4: Bà Liêu Thị H1.
- 3.12. Bà Liêu Thị C, sinh năm 1965; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Liêu Thị H1, sinh năm 1977; vắng mặt.

3.14. Cháu Liêu Thị Như Ý, sinh năm 2009; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Liêu Thị Như Ý: Bà Liêu Thị H1.

3.15. Bà Liêu Thị D1, sinh năm 1972; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

3.16. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Liêu Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Liêu Văn T trình bày:

Nguồn gốc phần đất ruộng diện tích 25 công và 04 công đất vườn tạp + thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang là của ông nội L (L) để lại cho cha mẹ là ông Liêu Văn T10 (chết năm 1984) và bà Lê Thị Đ (chết năm 2021). Năm 1982, ông Liêu Văn T10 cho ông diện tích 1.000m² đất vườn và 109,8m² đất thổ cư, khi cho chỉ nói miệng, không làm giấy tờ nhưng có bà Liêu Thị T3, Liêu Thị H, Liêu Thị T4, Liêu Thị H1 đều biết. Cùng năm 1982, ông cất căn nhà có kết cấu vách tường, mái lợp tole, nền gạch bông (ngang 4m, dài 10m) gắn liền với phần đất diện tích 109,8m² (có lối đi ngang 2m mặt tiền) và phần đất sau nhà đào ao để nuôi cá tra có diện tích (ngang 19m, dài 50m) 950m². Do nuôi cá một thời gian bị thua lỗ, năm 2007, ông bỏ đi khỏi địa phương đến năm 2013 mới trở về.

Năm 2011, ông Liêu Văn T1 bao chiếm phần đất ao của ông chiều ngang 3m, chiều dài 7m nên phát sinh tranh chấp. Khi UBND xã V hòa giải ông mới biết phần đất của ông đã được bà Đ kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2015, bà Đ đã chuyển quyền cho ông T1 và bà D.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T1, bà D tiếp tục phá bờ ao của ông để lấy đất lấp qua phần đất diện tích 42m². Ông T2 và bà T5 phá bờ ao của ông có diện tích 84m² để cất nhà, đập phá bồn nước bằng bê tông trị giá 5 triệu đồng, chặt phá 03 bụi tre lớn đang thu hoạch trị giá 01 triệu đồng.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T1, bà D trả lại cho ông phần đất thổ cư gắn liền với căn nhà có diện tích 109,8m² thể hiện tại các điểm 17, 12, 13, 14, 35, 34, 33 và đất ao, vườn tạp diện tích 899,1m² tại các điểm 17, 18, 27, 24, 23, 22, 30, 21,12. Tổng cộng: 1.008,9m² theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đ1 chi nhánh C2 ngày 16/10/2023, về cây trồng trên đất ông không tranh chấp; Yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG; số H.07308/hG và số H.07310/hG cùng ngày 25/4/2007 cấp cho bà Lê Thị Đ và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07307; số CH07308 và số CH07310 cấp ngày 06/01/2015 cho ông Liêu Văn T1 và Dương Thị D; Yêu cầu ông Liêu Văn T1 và ông Liêu Văn T2 bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng 45.800.000 đồng, bao gồm:

+ Ông T1 phải bồi thường tiền đất san lấp 12.600.000 đồng (42m³ x 300.000đ/1m³);

+ Ông T2 phải bồi thường tiền san lấp 25.200.000 đồng ($84m^3 \times 300.000đ/1m^3$); 03 bụi tre trị giá 3.000.000 đồng; tiền đập phá bồn nước trị giá 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 33.200.000 đồng.

Bị đơn là ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do ông bà nội để lại cho cha mẹ là ông Liêu Văn T10 và bà Lê Thị Đ. Sau khi ông T10 chết, bà Đ kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/3/2012 do sức khỏe yếu, bà Đ lập di chúc phân chia đất cho ông T, ông T2 và ông T1 nhưng ông T không đồng ý mà đòi nhiều hơn.

Năm 2015, để tạo điều kiện cho con làm ăn, bà Đ lập thủ tục chuyển quyền toàn bộ phần đất do bà Đ đứng tên cho ông T1 và bà D. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà đang giữ mà không thể chấp hoặc cầm cố.

Ông, bà thống nhất trả lại cho ông T phần đất thổ cư gắn liền với căn nhà có diện tích $109,8m^2$ tại các điểm 17, 12, 13, 14, 35, 33 theo Bản đồ hiện trạng ngày 16/10/2023. Ông, bà không đồng ý trả cho ông T phần đất diện tích $899,1m^2$, vì phần đất này mẹ cho ông T2 và ông sử dụng. Ông, bà không đồng ý bồi thường thiệt hại về san lấp đất với số tiền 12.600.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Ông Liêu Văn T2 trình bày:

Căn cứ Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 16/10/2023 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C3 thì phần đất ông được mẹ cho bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu. Ông T tranh chấp nhưng không có bằng chứng xác thực, ông không đồng ý theo yêu cầu ông T. Ông không đồng ý bồi thường tiền san lấp, 03 bụi tre và tiền đập phá bồn nước với số tiền 33.200.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Bà Liêu Thị H1 và bà Liêu Thị T3, bà Liêu Thị H, bà Liêu Thị T4 ủy quyền cho bà Liêu Thị H1 trình bày:

Tài sản tranh chấp do ông bà nội để lại cho cha mẹ là ông Liêu Văn T10 và bà Lê Thị Đ. Khi cha còn sống có nghe nói miệng là cho ông T phần đất phía sau nhà để đào ao nuôi cá nhưng không rõ diện tích và ông T có sử dụng một thời gian rồi bỏ trống. Việc ông T có tranh chấp với ông T1 và bà D, các bà mong muốn anh em hòa giải với nhau, các bà không tranh chấp.

Trước đây bà H1 có đơn yêu cầu được sử dụng phần đất thổ cư và lối đi do cha mẹ chia. Căn cứ Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 16/10/2023 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C3 đã thể hiện rõ diện tích và bà đã thỏa thuận được với ông T1, bà D. Nay bà xin rút yêu cầu độc lập và không tranh chấp đối với phần đất này.

Bà Liêu Thị C và bà Liêu Thị D1 trình bày: Ông Tân tranh C1 với ông T1, bà D thì các bà mong muốn các anh em hòa giải với nhau, các bà không tranh chấp.

Ông Liêu Minh K trình bày: Ông là con của ông T1 và bà D, ông thống nhất theo lời trình bày của ông T1 và bà D đã trình bày trên.

Bà Trần Thị T5, chị Liêu Thị Bé T6, chị Liêu Thị Cẩm T7, chị Liêu Thị Minh T8, cháu L Trần Hữu T9 (Do ông Liêu Văn T2 là người đại diện theo pháp luật), anh Liêu Minh H2, cháu Liêu Thị Như Ý (Do bà H1 là người đại diện theo pháp

luật) và Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Liêu Văn T.

1.1 Ông Liêu Văn T được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 109,8m² được giới hạn bởi các điểm 17, 12, 13, 14, 35, 34, 33 và phần đất diện tích 312,70m² gồm diện tích 292,70m² tại các điểm 55, 56, 57, 58 và diện tích 20m² tại các điểm 12, 17, 58, 68 theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đ1 chi nhánh C2 ngày 16/10/2023, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

1.2 Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07308/hG và số H.07310/hG cùng ngày 25/4/2007 cấp cho bà Lê Thị Đ và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07308 và số CH07310 cùng ngày 06/01/2015 cấp cho ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D.

1.3 Không chấp nhận yêu cầu của ông Liêu Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG ngày 25/4/2007 cấp cho bà Lê Thị Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG ngày 06/01/2015 cấp cho ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Văn T yêu cầu ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D trả lại phần đất diện tích 587,10m², tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký xin cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Văn T yêu cầu ông Liêu Văn T1 và ông Liêu Văn T2 bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 45.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2024, nguyên đơn ông Liêu Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Liêu Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn có kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Liêu Văn T làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của ông Liêu Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc phần đất diện tích 2.798,30m² do cha mẹ của ông Liêu Văn T10 để lại cho vợ chồng ông T10 và bà Đ. Sau khi ông T10 chết, bà Đ và các con quản lý, sử dụng đất. Ngày 25/4/2007, bà Đ đã được UBND huyện C cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG diện tích 1.177,7m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07308/hG diện tích 292,7m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07309/hG diện tích 664,9m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07310/hG diện tích 663m², tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 04/12/2014 bà Đ ký kết 04 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có chứng nhận của Văn phòng C4) để tặng cho ông T1 và bà D phần đất trên. Ngày 06/01/2015 UBND huyện C cấp cho ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07307 diện tích 1.173,6m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07308 diện tích 292,7m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07309/hG diện tích 664,9m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07310 diện tích 633,7m², tổng diện tích 2.764,90m². Theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đ1 chi nhánh C2 ngày 16/10/2023 thể hiện diện tích thực tế là 2.719,70m².

Ông Liêu Văn T cho rằng năm 1982 khi cha mẹ còn sống đã tặng cho ông phần đất diện tích 109,8m² để cất nhà ở có kết cấu vách tường, mái lợp tole, nền lót gạch bông và diện tích 899,8m² để đào ao nuôi cá, việc tặng cho không làm giấy tờ nhưng bà H1, bà H, bà T4, bà T3 đều biết cha mẹ có cho đất ông T và người ông thuê đào ao đều biết. Ông T đã cất nhà ở ổn định từ năm 1982 đến nay không ai

tranh chấp. Ông T yêu cầu ông T1, bà D phải trả lại cho ông phần đất thổ cư diện tích 109,8m² và phần đất ao + vườn tạp diện tích 899,1m² để ông sử dụng.

[2.2] Xét, tại Biên bản V/v hòa giải tranh chấp đất thổ cư ngày 26/5/2016 bà Đ khai: “Nguồn gốc đất này là của ông già chồng để lại cho hai vợ chồng tôi. Nay tôi thống nhất chia đều cho các con tôi vì phần đất này do tôi đứng tên. Liêu Văn T được hưởng diện tích đất thổ cư ngang 6 mét, dài 50 mét không chia theo yêu cầu của Lê Văn T11”.

Tại Tờ tường trình ngày 30/5/2018 bà Đ trình bày: “Nguyên tôi có phần đất của cha mẹ chồng để lại cho chồng tôi, đến khi chồng tôi bệnh để lại cho tôi nên tôi có cho: (1) Liêu Văn T ngang 6 mét, dài 50 mét; (2) Liêu Văn T2 ngang 6 mét, dài 50 mét. Phần còn lại để cho Liêu Văn T1 nuôi mẹ già trên 80 tuổi, còn cúng 5 lễ giỗ trên một năm”. Tại Tờ tường trình ngày 30/5/2018 ông Liêu Văn T1 cũng thừa nhận lời trình bày của bà Đ.

Tại Tờ di chúc ngày 13/3/2012 có chứng thực của UBND xã V của bà Đ, nội dung: “Vợ chồng chúng tôi là chủ sở hữu quyền sử dụng đất... tổng 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 100% (diện tích 2.768,3m²)... Tôi lập tờ di chúc này với nội dung như sau: Tôi lấy 50% tài sản (Diện tích 1.384,15m²) chia cho các con: Liêu Văn T được hưởng số tài sản là 326m² gồm đất thổ cư và vườn tạp. Trong đó 26m² là đường đi (N mét, dài 13 mét); 300m² là nền nhà và vườn tạp ngang 6 mét, dài 50 mét giáp Nguyễn Văn N...”. Đồng thời, các con của ông T10 và bà Đ là bà Liêu Thị H1, bà Liêu Thị T3, bà Liêu Thị H, bà Liêu Thị T4 đều ký tên vào Tờ xác nhận ngày 20/7/2022 để xác định nội dung ông T trình bày cha mẹ có cho ông T 01 nền nhà và 01 công đất.

Như vậy, có cơ sở xác định khi ông T10 và bà Đ còn sống đã cho ông T phần đất diện tích 109,8m² để cất nhà ở ổn định từ năm 1982 đến nay, còn phần đất diện tích 899,8m² do ông T đào ao nuôi cá một thời gian bị thua lỗ nên năm 2007 ông T bỏ địa phương đi và ông T1, ông T2 quản lý sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, giao cho ông T được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 109,8m² được giới hạn bởi các điểm 17, 12, 13, 14, 35, 34, 33 và phần đất diện tích 312,70m², gồm diện tích 292,70m² tại các điểm 55, 56, 57, 58 và diện tích 20m² tại các điểm 12, 17, 58, 68 của Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đ1 chi nhánh C2 ngày 16/10/2023. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông T1 và bà D trả lại phần đất diện tích 587,10m² là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông T1 và ông T2 bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền 45.800.000 đồng, trong đó ông T1 phải bồi thường tiền đất san lấp với số tiền 12.600.000 đồng (42m³ x 300.000đ/1m³) và ông T2 phải bồi thường số tiền 33.200.000 đồng, trong đó tiền đất san lấp là 25.200.000 đồng (84m³ x 300.000đ/1m³); 03 bụi tre trị giá 3.000.000 đồng; tiền đập phá bồn nước trị giá 5.000.000 đồng. Xét thấy, nguồn gốc đất do ông T10 và bà Đ để lại, ông T yêu cầu ông T1 và ông T2 bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền 45.800.000 đồng nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T1 và ông T2 gây thiệt hại tài sản của ông nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Liêu Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Liêu Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 138, Điều 140, Điều 166, Điều 168, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Liêu Văn T.

- Ông Liêu Văn T được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 109,8m² được giới hạn bởi các điểm 17, 12, 13, 14, 35, 34, 33 và phần đất diện tích 312,70m² gồm diện tích 292,70m² tại các điểm 55, 56, 57, 58 và diện tích 20m² tại các điểm 12, 17, 58, 68 theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đ1 chi nhánh C2 ngày 16/10/2023, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07308/hG và số H.07310/hG cùng ngày 25/4/2007 cấp cho bà Lê Thị Đ và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07308 và số CH07310 cùng ngày 06/01/2015 cấp cho ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Liêu Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG ngày 25/4/2007 cấp cho bà Lê Thị Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07307/hG ngày 06/01/2015 cấp cho ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D.

2.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Văn T yêu cầu ông Liêu Văn T1 và bà Dương Thị D trả lại phần đất diện tích 587,10m², tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2.4. Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký xin cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Văn T yêu cầu ông Liêu Văn T1 và ông Liêu Văn T2 bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 45.800.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Liêu Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000124 ngày 16/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ